

Số: 1938 /BC-SKHĐT

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 6 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong Quý II năm 2021.**

Thực hiện Công văn số 4674/UBND-HCC ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý II năm 2021; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình thực hiện như sau:

#### **1. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

##### **1. Đánh giá tác động quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:**

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: Không
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: Không

##### **2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL:**

Trong Quý II năm 2021, Sở không tham gia thẩm định quy định về TTHC tại các dự thảo VBQPPL.

Ngày 4/6/2021, UBND tỉnh đã có Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND về quy định trình tự, thủ tục thực hiện giám sát, quản lý dự án đầu tư xây dựng không sử dụng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hiện nay, Sở đang lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về điều chỉnh Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 về ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển KTXH và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

##### **3. Về công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC:**

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 01 quyết định/05 TTHC

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: Không

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 05 TTHC/05 TTHC; trong đó số TTHC được công khai: 05 TTHC.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của bộ, cơ quan tính đến thời điểm báo cáo: 163 TTHC; trong đó số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan: 108 TTHC.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 163 TTHC; trong đó: Số TTHC do Trung ương quy định: 163 TTHC; số TTHC do địa phương quy định: 0 TTHC.

##### **4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC:**

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch (Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của bộ, cơ quan/UBND cấp tỉnh): 35 TTHC (02 lĩnh vực theo Kế hoạch của Sở KHĐT).

- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 0 TTHC.

- Phương án đơn giản hóa cụ thể: Số TTHC giữ nguyên: 0 TTHC; Số TTHC

bãi bỏ: 0 TTHC; Số TTHC sửa đổi, bổ sung: 0TTHC; Số TTHC thay thế: 0 TTHC; Số TTHC liên thông: 0 TTHC; Số TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử: 0 TTHC.

- Số tiền tiết kiệm được: 0 đồng
- Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được: 0 đồng.
- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa : 0.

#### **5. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC:**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó:
  - + Số tiếp nhận mới trong kỳ: Không.
  - + Số từ kỳ trước chuyển qua: Không.
  - + Số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: Không.
  - + Số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: Không
- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: Không; trong đó:
  - + Số đã được đăng tải công khai: Không.
  - + Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: Không.
- Trong Quý II năm 2021, Sở không có tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức liên quan đến kiến nghị TTHC. Chủ yếu là hỏi đáp trên chuyên mục Tiếp nhận ý kiến của Trang Thông tin Điện tử của Sở ... Sở đã trả lời cho cá nhân, tổ chức qua chuyên mục Tiếp nhận ý kiến.

- Thường xuyên duy trì việc công khai địa chỉ, số điện thoại, thư điện tử của Sở tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên Trang Thông tin Điện tử của Sở và màn hình trình chiếu trụ sở cơ quan.

#### **6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC: (Từ ngày 16/3/2021-15/6/2021)**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó:
  - + Số mới tiếp nhận trong kỳ: 1.259 hồ sơ (trực tuyến: 1179 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 95 hồ sơ);
  - + Số từ kỳ trước chuyển qua: 75 hồ sơ.
- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 1.185 hồ sơ; trong đó:
  - + Giải quyết trước hạn: 136 hồ sơ
  - + Giải quyết đúng hạn: 1030 hồ sơ.
  - + Giải quyết quá hạn: 19 hồ sơ.
- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 74 hồ sơ; trong đó:
  - + Trong hạn: 71 hồ sơ.
  - + Quá hạn: 03 hồ sơ.

#### **7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:**

- Đã có Quyết định về kiện toàn Bộ phận 1 cửa của Sở tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh.

- Toàn bộ hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được tiếp nhận và hoàn trả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh.

- Toàn bộ danh mục TTHC đã được niêm yết công khai trên Trang Thông tin Điện tử của Sở, Trang TTHC của tỉnh và Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh.

- Đã cấu hình quy trình các TTHC trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đối với từng TTHC. Bổ sung, điều chỉnh, đồng bộ các quy trình điện tử trên Cổng dịch vụ công của tỉnh sau khi sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai 100% TTHC áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên các lĩnh vực. Việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa

liên thông trong giải quyết TTHC của Sở luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, quy trình tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

### **8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công - Văn phòng UBND tỉnh tiến hành rà soát việc kiểm thử cho 97 TTHC.

- Các hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đều được số hóa trên Phần mềm Công Dịch vụ công của Tỉnh; Tất cả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC 1 cửa được số hóa và cập nhật trên Công Dịch vụ công của Tỉnh.

### **9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

- Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền, phổ biến kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan về công tác kiểm soát TTHC, CCHC và các văn bản chỉ đạo về công tác kiểm soát TTHC của UBND tỉnh, của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan cũng như các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khi đến liên hệ giải quyết công việc nhận thức đúng về CCHC và hỗ trợ thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC một cách hiệu quả.

- Tuyên truyền được triển khai chủ yếu thông qua bản tin nội bộ, đưa tin trên Trang thông tin điện tử, Hội nghị giao ban hàng tháng cơ quan.

### **10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC: Không**

### **11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

- Đã ban hành Kế hoạch số 180/KH-SKHĐT ngày 20/01/2021 về kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; Hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo trong năm 2021 tại các Phòng chuyên môn và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ Doanh nghiệp. Theo Kế hoạch trong năm 2021 sẽ kiểm tra 04 phòng chuyên môn và Trung tâm XTĐT và HTDN.

- Trong quý II đã tiến hành kiểm tra công tác kiểm soát TTHC đối với 02 bộ phận cụ thể: Phòng Kinh tế Đối ngoại và Văn phòng sở.

+ Hình thức kiểm tra: Đã làm việc trực tiếp với Lãnh đạo Phòng và các chuyên viên có liên quan. Các Phòng, Trung tâm được kiểm tra chuẩn bị các báo cáo, các văn bản kèm theo và kiến nghị, đề xuất, khó khăn vướng mắc.

Đoàn kiểm tra nghe Lãnh đạo Phòng, Trung tâm trình bày báo cáo và cho ý kiến, đoàn tiến hành kiểm tra các văn bản, xác minh một số vấn đề liên quan.

Đoàn đã có báo cáo kết quả kiểm tra trình Lãnh đạo sở xem xét quyết định.

+ Kết quả kiểm tra:

Kiểm tra việc tiếp nhận giải quyết và trả kết quả hồ sơ viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và cấp Giấy chứng nhận đầu tư nước ngoài theo đúng quy trình và quy định của UBND tỉnh.

Kiểm tra Hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư nước ngoài đầy đủ, thực hiện theo đúng quy định.

Hồ sơ tiếp nhận giải quyết và trả kết quả tại bộ phận 1 cửa nhiều so với các năm trước, tuy nhiên có 1 số hồ sơ chậm so với thời gian quy định từ 1 – 2 ngày, do hồ sơ có tính chất phức tạp, hoặc lấy ý kiến của các ngành, vì vậy xảy ra chậm trễ; tuy nhiên việc giải quyết hồ sơ thực hiện đầy đủ, đúng quy trình và quy định của UBND tỉnh.

- Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC: Không có

## **12. Nội dung khác**

- Công tác kiểm soát TTHC là công việc thường xuyên của cơ quan, do đó, lãnh đạo Sở đã có sự phân công, phân công cụ thể cho các Phòng chuyên môn, cử công chức làm đầu mối theo dõi thực hiện công tác kiểm soát TTHC, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện kiểm soát TTHC.

- Ban hành các Kế hoạch như: Kiểm soát, kiểm tra, tuyên truyền, rà soát, CCHC...

- Cử công chức tham gia các khóa tập huấn hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức (nếu có).

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Trong Quý II/2021, Sở đã ban hành các Kế hoạch: Kiểm soát, kiểm tra, tuyên truyền, rà soát, CCHC... theo Kế hoạch của UBND tỉnh; Tăng cường công tác kiểm soát TTHC, đẩy mạnh công tác CCHC, kiểm soát TTHC, ứng dụng CNTT, tập trung triển khai và tổ chức thực hiện tốt trong việc tiếp nhận và trả kết quả, kiện toàn bộ phận tiếp nhận, trả kết quả; đôn đốc rà soát toàn bộ hồ sơ 1 cửa của Sở từ đầu năm 2021 đến quý II/2021 nếu có chậm trễ, điều chỉnh các quy trình điện tử xử lý hồ sơ 1 cửa, 1 cửa liên thông... Qua đó để nắm được tình hình việc giải quyết công việc, từng bước nâng cao chất lượng hiệu quả công việc phục vụ ngày một tốt hơn. Số lượng hồ sơ tiếp nhận 1 cửa trong Quý II ít hơn số lượng hồ sơ tiếp nhận trong Quý I, việc giải quyết hồ sơ chậm trễ trong Quý II ít hơn so với Quý I/2021.

Điều chỉnh quy trình xử lý hồ sơ 1 cửa trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, triển khai các TTHC lên mức độ 3, mức độ 4 đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc làm các thủ tục, hạn chế tối đa việc doanh nghiệp đi lại nhiều lần.

Việc tiếp nhận và trả kết quả cho các cá nhân, tổ chức đều đúng thời gian quy định, hạn chế việc đi lại của cá nhân, tổ chức. Công tác tiếp nhận và trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp đã đi vào hoạt động có hiệu quả, chất lượng phục vụ ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

*Trong quý II/2021, mặc dù đã đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên công tác giải quyết TTHC vẫn còn một số khó khăn, tồn tại sau:*

- Vẫn còn có các tổ chức, cá nhân khi làm thủ tục chưa nghiên cứu sâu các chính sách, quy định của nhà nước, dẫn đến công tác chuẩn bị hồ sơ không đúng quy định, không đầy đủ, thiếu thông tin cơ bản, sai thông tin, nhập sai thủ tục hành chính, chưa đăng ký tài khoản trên Dịch vụ công của Tỉnh...

- Một số hồ sơ giải quyết chưa được thực hiện theo đúng thời gian quy định, một số TTHC phụ thuộc vào thời gian giải quyết của các cơ quan, hồ sơ có tính chất phức tạp, lấy ý kiến, tổ chức họp với một số cơ quan ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan trên địa bàn tỉnh hoặc hồ sơ đã liên thông với UBND tỉnh nhưng phải chờ ý kiến lãnh đạo tỉnh, lấy ý kiến các thành viên của UBND tỉnh; Do vậy thời gian trả hồ sơ chậm so với quy định đã ghi trong biên nhận hồ sơ, làm ảnh hưởng đến hiệu quả trong việc giải quyết các TTHC cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Việc đăng ký, cập nhật các hồ sơ 1 cửa trực tuyến của các Sở, ngành chưa đúng, nhiều khi hồ sơ TTHC này thì nhập TTHC khác.

- Trong Quý II/2021, hồ sơ TTHC trễ hạn, chủ yếu là do một số nguyên nhân chính sau:

+ *Có hồ sơ TTHC đã liên thông gửi lên UBND tỉnh theo thời gian quy định nhưng vẫn chưa được giải quyết phải chờ ý kiến của Lãnh đạo tỉnh, hoặc lấy ý kiến các thành viên của UBND tỉnh.*

+ *Hồ sơ có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, cần phải tổ chức họp liên ngành để có ý kiến thống nhất hoặc có văn bản lấy ý kiến thẩm định gửi các ngành có liên quan đến lĩnh vực hồ sơ TTHC đó, vì vậy xảy ra tình trạng chậm. Nếu có hồ sơ TTHC bị trễ hạn, Sở cũng đã có văn bản xin gia hạn trên hệ thống và gửi về đơn vị chủ đầu tư, doanh nghiệp...*

+ *Phần mềm liên thông với các ngành vẫn chưa hoàn thiện, hồ sơ được gia hạn tại các Sở thẩm định chuyên ngành nhưng thời hạn ở Sở KHĐT vẫn không gia hạn theo.*

+ *Phần mềm Dịch vụ Công trực tuyến thường hay xảy ra lỗi, sự cố, chạy chậm..., việc thống kê các hồ sơ theo định kỳ thời gian, theo phòng chuyên môn giải quyết chưa thực hiện được. Đường truyền mạng WAN chạy chậm, nhiều khi cập nhật file điện tử có dung lượng lớn của các thành phần hồ sơ bị lỗi không gửi được. Một số TTHC khi tiếp nhận không có thành phần kèm theo và các biểu mẫu trên phần mềm dịch vụ công.*

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt trên Trang Thông tin điện tử của Sở về các hoạt động kiểm soát TTHC nhằm nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia tích cực của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư vào công tác cải cách TTHC nói chung và kiểm soát, rà soát TTHC nói riêng.

- Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ cải cách hành chính ở cơ quan theo nhiệm vụ đã được phân công; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về cải cách hành chính đảm bảo về thời gian và chất lượng.

- Tiếp tục rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL theo chức năng nhiệm vụ được giao, phát hiện những nội dung trái pháp luật của văn bản để kịp thời tham mưu UBND tỉnh đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện tốt quy trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả TTHC theo mô hình một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- Duy trì triển khai thực hiện các TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định, đảm bảo đúng thủ tục, quy trình và thời gian. Rà soát, thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực.

- Đôn đốc các Phòng chuyên môn trong việc giải quyết TTHC theo đúng thời gian quy định.

- Cử cán bộ chuyên trách kiểm soát TTHC tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, hội nghị, hội thảo do Tỉnh tổ chức.

- Duy trì và áp dụng tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Đảm bảo tất cả thủ tục hành chính phải được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật và phải được niêm yết công khai, rõ ràng, minh bạch và chính xác.

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công tác giải quyết hồ sơ 1 cửa của các Phòng chuyên môn để có những biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, chấn chỉnh cải tiến lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thi hành công vụ.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện công tác của Sở.

#### **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

- Hiện tại hệ thống mạng về đăng ký kinh doanh được kết nối với mạng trực riêng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (thông qua hệ thống mạng riêng đặt tại Sở KHĐT). Vì lý do bảo mật, Bộ KHĐT chỉ cấp cho mỗi tỉnh 01 bộ thiết bị định tuyến để kết nối riêng với hệ đăng ký kinh doanh Quốc gia; do đó đối với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo hình thức 04 tại chỗ không thể thực hiện tại TTPVHCC tỉnh (do việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ doanh nghiệp bắt buộc phải thực hiện tại hệ thống ĐKKD quốc gia. Tuy nhiên, đối với các hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có thủ tục đơn giản như: Tạm ngừng, hoạt động trở lại, thông tin đăng ký thuế, cấp lại Giấy CNĐKDN,... Sở KHĐT có thể thực hiện giải quyết sớm trả cho Doanh nghiệp trước thời hạn quy định, đồng thời đảm bảo không có trường hợp trả bổ sung hồ sơ....

- Tổ chức duy trì chế độ giao ban cho cán bộ làm đầu mối về công tác kiểm soát thủ tục hành chính của các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế.

- Phần mềm liên thông với các ngành vẫn chưa hoàn thiện, hồ sơ được gia hạn tại các Sở thẩm định chuyên ngành nhưng thời hạn ở Sở Kế hoạch và Đầu tư vẫn không gia hạn theo. Vì vậy, hồ sơ 1 cửa liên thông với các Sở chuyên ngành đều bị trễ hạn tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Thống kê số lượng hồ sơ theo Phòng chuyên môn nghiệp vụ thụ lý hồ sơ trên Phần mềm Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh chưa đầy đủ, đề nghị cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung...

Trên đây là báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý II năm 2021 gửi Văn phòng UBND tỉnh biết, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- VP UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, TTTT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các Phòng chuyên môn/Trung tâm (tin nội bộ);
- Lưu VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Việt Trung**



Biểu số  
II.06a/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH  
CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI  
QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý II năm 2021  
(Từ ngày 16/03/2021 đến hết ngày 15/6/2021)

- Đơn vị báo cáo:  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
1.	Thành lập và Phát triển Doanh nghiệp.	<b>1141</b>	1092	91	48	<b>1115</b>	108	1003	4	<b>26</b>	26	0
2.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (Liên hiệp HTX)	<b>04</b>	03	0	01	<b>04</b>	0	04	0	<b>0</b>	0	0
3.	Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ	<b>17</b>	12	02	3	<b>09</b>	0	04	05	<b>08</b>	7	01



	chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam											
4.	Lĩnh vực đầu tư xây dựng	<b>42</b>	25	0	17	<b>17</b>	0	14	03	<b>25</b>	25	0
5.	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<b>28</b>	23	02	3	<b>24</b>	18	02	04	<b>4</b>	3	1
6.	Lĩnh vực đầu tư không xây dựng	<b>21</b>	19	0	2	<b>11</b>	5	3	3	<b>10</b>	09	1
7.	Lĩnh vực Đấu thầu	<b>6</b>	5	0	1	<b>05</b>	5	0	0	<b>1</b>	1	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1259</b>	1179	95	75	<b>1185</b>	136	1030	19	<b>74</b>	71	3

Biểu số  
II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: Quý II năm 2021**  
(Từ ngày 16/03/2021 đến hết ngày 15/6/2021)

- Đơn vị báo cáo:  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, %.

**SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	cấp huyện	Cấp xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+ (13)+14)	(12)	(13)	(14)
1	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp.	0	0			0	0						
2	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	0	0			0	0						
3	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Liên hiệp HTX)	0	0			0	0						
4	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	0	0			0	0						
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>						

Biểu số  
IL.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI  
TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: Quý II năm 2021**

(Từ ngày 16/03/2021 đến hết ngày 15/6/2021)

- Đơn vị báo cáo:

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

- Đơn vị nhận báo cáo:

UBND tỉnh.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
<b>A</b>	<b>ĐVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI</b>							
	CẤP TỈNH							
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (65 TTHC)</b>							
	<b>Mục I: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp</b>							
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân				X	X	0	1
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên				X	X	0	1
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên				X	X	0	1
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần				X	X	0	1
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh				X	X	0	1
6.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
7.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
8.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh				X	X	0	1
9.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần				X	X	0	1

10.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
11.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên				X	X	0	1
12.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức				X	X	0	1
13.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước				X	X	0	1
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế				X	X	0	1
15.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.				X	X	0	1
16.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp				X	X	0	1
17.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác				X	X	0	1
18.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích				X	X	0	1
19.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác				X	X	0	1
20.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1

21.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân				X	X	0	1
22.	Thông báo thay đổi thông tin của công ty cổ phần				X	X	0	1
23.	Thông báo thay đổi công đồng là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết				X	X	0	1
24.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế				X	X	0	1
25.	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
26.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
27.	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
28.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
29.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
30.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)				X	X	0	1
31.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động				X	X	0	1
32.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
33.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp				X	X	0	1

	lý tương đương)							
34.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
35.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)				X	X	0	1
36.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)				X	X	0	1
37.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)				X	X	0	1
38.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân				X	X	0	1
39.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp				X	X	0	1
40.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp				X	X	0	1
41.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp				X	X	0	1
42.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp				X	X	0	1
43.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp				X	X	0	1
44.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp				X	X	0	1
45.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)				X	X	0	1
46.	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)				X	X	0	1
47.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần				X	X	0	1

48.	Chuyên đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên				X	X	0	1
49.	Chuyên đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên				X	X	0	1
50.	Chuyên đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn				X	X	0	1
51.	Cập lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp				X	X	0	1
52.	Cập đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuê sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuê				X	X	0	1
53.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp				X	X	0	1
54.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng				X	X	0	1
55.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh				X	X	0	1
56.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo				X	X	0	1
57.	Giải thể doanh nghiệp				X	X	0	1
58.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án				X	X	0	1
59.	Châm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh				X	X	0	1
60.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp				X	X	0	1
	<b>Mục 2: Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Có 05 thủ tục hành chính)</b>				X	X	0	0
61.	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập	X	X				0	1
62.	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý.	X	X				0	1
63.	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	X	X				0	1
64.	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	X	X				0	1

65.	Giải thể công ty TNHH một thành viên	X	X				0	1
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Có 08 thủ tục hành chính)</b>							
66.	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	X	X				0	1
67.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.	X	X				0	1
68.	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	X	X				0	1
69.	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	X	X				0	1
70.	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	X	X				0	1
71.	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội	X	X				0	1
72.	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ	X	X				0	1
73.	Chuyên cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	X	X				0	0
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (Liên hiệp HTX) (15 thủ tục hành chính)</b>							
74.	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã.				X	X	0	0
75.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã				X	X	0	0
76.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã				X	X	0	0
77.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã				X	X	0	0
78.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia				X	X	0	0
79.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách				X	X	0	0
80.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất				X	X	0	0
81.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập				X	X	0	0
82.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)				X	X	0	0
83.	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0



84.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0
85.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0
86.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0
87.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0
88.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã				X	X	0	0
IV	<b>Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (Có 31 thủ tục hành chính)</b>							
89.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	X	X				0	0
90.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	X	X				0	0
91.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	X	X				0	0
92.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	X	X				0	0
93.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X	X				0	0
94.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	X	X				0	0
95.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	X	X				0	0
96.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	X	X				0	0
97.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.	X	X				0	0

98.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong GCN đăng ký đầu tư	X	X				0	0
99.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	X	X				0	0
100.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	X	X				0	0
101.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	X	X				0	0
102.	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ)	X	X				0	0
103.	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)	X	X				0	0
104.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.	X	X				0	0
105.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.	X	X				0	0
106.	Cập lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X	X				0	0
107.	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X	X				0	0
108.	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X	X				0	0
109.	Giãn tiến độ đầu tư	X	X				0	0
110.	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	X	X				0	0
111.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	X	X				0	0
112.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	X	X				0	0
113.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	X	X				0	0
114.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	X	X				0	0
115.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	X	X				0	0

116.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư.	X	X				0	0
117.	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.	X	X				0	0
118.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	X	X				0	0
119.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	X	X				0	0
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực đầu thầu (12 thủ tục hành chính)</b>							
	<b>Mục 1: Lựa chọn nhà đầu tư hình thức đối tác công tư PPP và nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (09 thủ tục hành chính)</b>							
120.	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án.	X	X				0	0
121.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do Nhà đầu tư đề xuất.	X	X				0	0
122.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Nhà đầu tư đề xuất.	X	X				0	0
123.	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển.	X	X				0	0
124.	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.	X	X				0	0
125.	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư.	X	X				0	0
126.	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	X	X				0	0
127.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	X	X				0	0
128.	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất	X	X				0	0
	<b>Mục 2: Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư (03 thủ tục hành chính)</b>							
129.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất.	X	X				0	0
130.	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.	X	X				0	0

131.	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư.	X	X				0	0
VI	<b>Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam. (09 TTHC)</b>							
	<b>Mục 1. Vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (02 TTHC)</b>							
132.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	X	X				0	0
133.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	X	X				0	0
	<b>Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) (07 thủ tục hành chính)</b>							
134.	Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	X	X				0	0
135.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	X	X				0	0
136.	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.							
137.	Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phí dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại.	X	X				0	0
138.	Lập, thẩm định kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	X	X				0	0
139.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	X	X				0	0

	hàng năm.							
140.	Xác nhận chuyên gia	X	X				0	0
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 thủ tục hành chính)</b>							
141.	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	X	X				0	0
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (12 thủ tục hành chính)</b>							
	<b>Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo ( 05 thủ tục hành chính)</b>							
142.	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.	X	X				0	0
143.	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
144.	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
145.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
146.	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	X	X				0	0
	<b>Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn (03 thủ tục hành chính)</b>							
147.	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	X	X				0	0
148.	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	X	X				0	0
149.	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	X	X				0	0
	<b>Mục 3. Các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (04 thủ tục hành chính)</b>							
150.	Hỗ trợ nguồn nhân lực	X	X				0	0
151.	Hỗ trợ chuyên đổi từ hộ kinh doanh	X	X				0	0
152.	Hỗ trợ văn phòng làm việc đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
153.	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0

<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư xây dựng (Có 04 TTHC)</b>							
154.	Thẩm định chủ trương đầu tư dự án.	X	X				0	0
155.	Trình phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	X	X				0	0
156.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	X	X				0	0
157.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình	X	X				0	0
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư không xây dựng (Có 05 thủ tục hành chính)</b>							
158.	Thẩm định chủ trương đầu tư dự án.	X	X				0	0
159.	Thẩm định thiết kế thi công và dự toán	X	X				0	0
160.	Trình phê duyệt dự án	X	X				0	0
161.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế thi công và dự toán	X	X				0	0
162.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	X	X				0	0

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**